TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 83/2025/DS-ST Ngày: 30-9-2025 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: 2 N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc D – Chuyên viên kiểm soát rủi ro – Ngân hàng TMCP S chi nhánh P. Địa chỉ: 2 H, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 1 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày*:

Ngày 29/10/2020, ông Trần Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 1603340; ngày hợp đồng: 29/10/2020. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Trần Văn T vào ngày 09/11/2020. Lãi suất thỏa thuận là 31,2%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, đến ngày 05/8/2024 ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán; nên đến ngày 05/11/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 104.657.102 đồng. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông T phải trả số tiền đã vay nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết, buộc ông T phải hoàn trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 20/8/2025 tổng cộng là 142.062.254 đồng (trong đó: gốc là 104.657.102 đồng, lãi quá hạn là 37.405.152 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025) số tiền tổng cộng là 147.387.293 đồng, trong đó: tiền gốc là 104.657.102 đồng, lãi là 42.730.191 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 104.657.102 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, thấy: Ngày 29/10/2020, ông Trần Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng –

số hợp đồng 1603340; ngày hợp đồng: 29/10/2020. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Văn T với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng vào ngày 09/11/2020; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất thỏa thuận là 31,2%/năm; đồng thời ông T đã đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, theo đó hai bên thỏa thuận về lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn và thỏa thuận về vượt quá hạn mức. Xét hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đảm bảo hình thức, nội dung đúng quy định pháp luật, thể hiện được ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên nên hợp đồng phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bản tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp thì đến ngày 05/8/2024, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 05/11/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T sang nợ gốc quá hạn là 104.657.102 đồng. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ, nhưng ông T vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025), ông T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 147.387.293 đồng, trong đó: tiền gốc là 104.657.102 đồng, lãi là 42.730.191 đồng. Xét thấy, việc ông Trần Văn T không thanh toán nợ khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết; do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Trần Văn T phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 theo hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 147.387.293 đồng, trong đó: tiền gốc là 104.657.102 đồng, lãi là 42.730.191 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 100, 103 và 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn nợ đến ngày 30/9/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 1603340; ngày hợp đồng: 29/10/2020, tổng cộng là 147.387.293 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*), trong đó: tiền gốc là 104.657.102 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm lẻ hai đồng*) và tiền lãi là 42.730.191 đồng *(Bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 1603340; ngày hợp đồng: 29/10/2020.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Trần Văn T phải chịu 7.369.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 2.616.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009130, ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Khắc Hiếu Đào Thị N **Trần Lê M**